Ngân hàng TMCP NAM VIỆT
****

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2010

Đơn vị tính: đồng VN

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.12	464,845,446,819	406,635,651,668	1,714,749,816,334	1,251,186,976,707
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.13	327,419,640,610	335,887,993,044	1,224,485,399,459	964,232,841,834
I	**Thu nhập lãi thuần**		**137,425,806,209**	**70,747,658,624**	**490,264,416,875**	**286,954,134,873**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		6,849,395,717	87,275,324,102	37,878,007,047	110,838,700,885
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		3,022,561,696	3,223,728,407	9,925,679,106	11,623,834,734
II	**Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ**		**3,826,834,021**	**84,051,595,695**	**27,952,327,941**	**99,214,866,151**
III	**Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**		**8,471,592,312**	**7,702,011,351**	**2,595,767,327**	**5,583,534,247**
IV	**Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**		-	-	-	-
V	**Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**		**(168,516,363)**	-	**(1,233,241,449)**	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác		3,271,823,628	7,134,710,985	5,616,383,396	8,873,462,815
6	Chi phí hoạt động khác		283,077,229	92,923,729	906,183,110	565,623,827
VI	**Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác**		**2,988,746,399**	**8,307,838,988**	**4,710,200,286**	**8,307,838,988**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	VI.14	**690,000,000**	**1,724,340,186**	**2,147,872,287**	**73,404,586,646**
VIII	**Chi phí hoạt động**	VI.15	**92,804,714,744**	**54,145,096,407**	**274,785,190,402**	**201,092,974,709**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**60,429,747,834**	**272,371,986,196**	**251,652,152,865**	**272,371,986,196**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**2,470,071,066**	**58,116,366,784**	**41,918,535,150**	**81,555,325,735**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**57,959,676,768**	**190,816,660,461**	**209,733,617,715**	**190,816,660,461**
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		14,489,919,192	14,449,118,045	52,433,991,850	47,401,800,680
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
XII	**Chi phí thuế TNDN**		**14,489,919,192**	**46,660,130,078**	**52,433,991,850**	**46,660,130,078**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**43,469,757,576**	**141,189,847,977**	**157,299,625,865**	**141,189,847,977**
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số					
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu					

TPHCM,Ngày 12 tháng 01 năm 2011

Lập Bảng	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
Lê Thị Thanh Thủy	Huỳnh Vinh Thư	NGUYỄN GIANG NAM

S.Đ.K.K.D: 4103005193 - C.T.C.P * NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT * QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH